TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2025/HC-PT
Ngày: 21/01/2025
V/v: *"Kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Thông

Các Thẩm phán: Ông Phạm Ngọc Thái

Bà Trần Thị Kim Liên

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 360/2024/TLPT-HC ngày 18 tháng 10 năm 2024 về việc "Kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 110/2024/HC-ST ngày 24/7/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 202/2024/QĐ-PT ngày 07 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Lê Khắc Đ - Sinh năm 1973.

Địa chỉ: E hẻm C, Tỉnh lộ 5, thôn C, xã C, TP ., tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Lê Đại T - Chức vụ: Phó Chủ tịch.

Địa chỉ: A L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện:

+ Ông Trương Văn C - Giám đốc. Có mặt.

+ Ông Võ Quang H - Phó Giám đốc. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: T phát triển quỹ đất thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Tôn Thất T1; Địa chỉ: A V, phường V, thành phố H. Vắng mặt.

4. Người kháng cáo: ông Lê Khắc Đ.

5. Người kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, khởi kiện bổ sung và quá trình tham gia tố tụng, người khởi kiện ông Lê Khắc Đ trình bày:

Quyết định số 10609/QĐ-UBND ngày 28/12/2022 (sau đây viết tắt là Quyết định số 10609) của Ủy ban nhân dân thành phố B bồi thường, hỗ trợ cho ông Tôn Thất T1 là không đúng đối tượng, không đúng với quy định của pháp luật, cụ thể:

- Bồi thường, hỗ trợ không đúng đối tượng sử dụng đất bị Nhà nước thu hồi đất:

Năm 2013 ông Tôn Thất T1 đã chuyển nhượng vườn cà phê giao khoán từ Công ty TNHH MTV C1 (sau đây viết tắt là Công ty C1) cho ông Đ, ông Đ đã thanh toán xong tiền cho ông T1, nhận bàn giao vườn cà phê, canh tác sử dụng đất từ năm 2013 cho đến khi bị thu hồi. Ông Đ đã thực hiện nghĩa vụ của người nhận khoán, cụ thể đã trả nợ cho ông T1 các khoản từ năm 2013 trở về trước, thực hiện nghĩa vụ của nhận khoán từ năm 2013 cho đến nay. Việc sang nhượng và thực hiện các nghĩa vụ giao khoán thì Công ty đều biết. Như vậy, ông Đ phải là người được bồi thường, hỗ trợ. Tuy nhiên Quyết định số 10609 lại lập phương án bồi thường, hỗ trợ cho ông T1 là không đúng đối tượng đang trực tiếp sử dụng đất bị thu hồi. Do vậy, ông Đ yêu cầu phải lập phương án bồi thường, hỗ trợ đối với người sử dụng đất bị thu hồi là ông Đ.

- Bồi thường, hỗ trợ về tài sản trên đất không đúng.

+ Về vật kiến trúc trên đất:

Đối với 01 Giếng khoan bằng máy khoan tự hành, đường kính lỗ khoan Ø180mm, sâu 103m, xây dựng năm 2013 (tại Biên bản kiểm đếm tài sản ngày 09/01/2020, Biên bản làm việc ngày 14/10/2020 & Biên bản làm việc ngày 14/01/2022 đều thể hiện). Theo quy định 01 giếng khoan phải được bồi thường, hỗ trợ. Tuy nhiên, Quyết định số 10609 lại xác định năm tạo lập giếng khoan là năm

2019 để không bồi thường, hỗ trợ là không đúng quy định. Do vậy, ông Đ yêu cầu bổ sung bồi thường, hỗ trợ đối với 01 giếng khoan này.

+ Về cây trồng trên đất.

. Về mức bồi thường, hỗ trợ đối với cây trồng chính trên đất:

Theo điểm a, b khoản 1, 3 Điều 4 Quyết định số 10 ngày 13/04/2020 của UBND tỉnh Đ quy định cây trồng chính phải được bồi thường, hỗ trợ bằng 100% đơn giá. Tuy nhiên, Quyết định số 10609 lại chỉ hỗ trợ cây trồng chính gồm 470 cây cà phê, 03 cây Hồ tiêu trồng 2014, 07 cây Sầu riêng ghép và 03 cây Bơ ghép trồng 2016 với mức hỗ trợ bằng 80% đơn giá bồi thường là không đúng với quy định. Do vậy, ông Đ yêu cầu phải lập phương án bồi thường, hỗ trợ đối với cây trồng chính với mức hỗ trợ là 100%.

. Về số lượng, chủng loại cây Sầu riêng để tính bồi thường, hỗ trợ chưa đúng.

Theo Biên bản kiểm đếm tài sản ngày 09/01/2020 trên đất ông Đ có 21 cây Sầu riêng ghép năm 2009. Theo Quyết định số 10 thì 14 cây Sầu riêng là cây trồng chính. Tuy nhiên, Quyết định số 10609 lại chỉ bồi thường, hỗ trợ đối với 07 cây Sầu riêng, không bồi thường, hỗ trợ đối với 07 cây Sầu riêng. Do vậy, ông yêu cầu bổ sung bồi thường, hỗ trợ đối với 07 cây Sầu riêng là loại cây trồng chính, trong đó 07 cây loại A, với mức bồi thường 100% đơn giá.

. Về cây trồng xen, tính số lượng, mức bồi thường, hỗ trợ không đúng.

Tại Mục 6, Phụ lục 01 Bảng đơn giá cây công nghiệp lâu năm của Quyết định số 10 quy định cây công nghiệp lâu năm được phép trồng chung trong vườn cà phê kinh doanh là 91 cây/ha. Như vậy, thửa đất của ông Đ có diện tích 5.152,5 m2 thì số lượng cây được phép trồng xen là 5152,5 m2 x 91 cây/ha /10.000m2 = 47cây. Tuy nhiên, Quyết định số 10609 tính bồi thường, hỗ trợ đối với cây công nghiệp trồng chung trong vườn cà phê của ông Đ là 33 cây Ca cao trồng năm 2012 là chưa đúng về số lượng cây và loại cây. Do vậy, ông Đ yêu cầu bổ sung 47 cây trồng xen, trong đó có 07 cây Sầu riêng, 15 cây Bơ, 25 cây Ca Cao với mức bồi thường 100% đơn giá.

. Về cây trồng xen vượt mật độ đến 50%, mức bồi thường, hỗ trợ không đúng.

Tại khoản 3, Điều 4 Quyết định số 10 quy định cây trồng vượt mật độ đến 50% được hỗ trợ bằng 60% đơn giá; số cây vượt mật độ từ trên 50% đến 100% được hỗ trợ bằng 30% giá trị cây trồng cùng chủng loại. Tuy nhiên, Quyết định số 10609 lại tính bồi thường, hỗ trợ bằng đơn giá bồi thường trong bảng giá X 80% X 60% là không đúng với quy định. Do vậy, ông Đ yêu cầu tính mức bồi thường bằng đơn giá X 60%.

Về cây trồng không bồi thường, hỗ trợ gồm cây Cam sành trồng năm 2015, năm 2016.

Theo Biên bản kiểm kê ngày 09/01/2020 thể hiện trên đất có cây Cam sành được xác định trồng năm 2015 là 171 cây (loại A: 101 cây, loại B: 70 cây); Cam sành trồng năm 2016 là 274 cây (loại A: 205 cây, loại B: 69 cây); Cam sành trồng năm 2017 là 351 cây (loại A: 227 cây, loại B: 124 cây). Tuy nhiên, Quyết định số 10609 lại xác định toàn bộ 796 cây Cam sành trồng sau năm 2017 để không tính bồi thường, hỗ trợ là không có căn cứ, không đúng với quy định. Do vậy, ông Đ khởi kiện yêu cầu bồi thường, hỗ trợ đối với 796 cây Cam sành.

- Thu hồi 100% giá trị vườn cà phê giao khoán 84.350.000 đ/ha cho Công ty C2 là không đúng với quy định.

Tại Quyết định số 113/2008/QĐ-CT ngày 15/12/2008 của Công ty C1 về việc quy định giá trị 01 ha cà phê vối kinh doanh năm thứ nhất; theo dự toán 01 ha cà phê trong thời gian 04 năm kiết thiết cơ bản (01 năm trồng mới và 03 năm chăm sóc). Giá trị vườn cà phê giao khoán này, Công ty TNHH MTV C2 đã thu hồi của ông Đ từ năm 1999 - 2016 (gọi là khấu hao giá trị vườn cà phê kinh doanh). Việc UBND tỉnh Đ ban hành quyết định thu hồi giá trị vườn cà phê theo nguyên giá đầu tư kinh doanh năm thứ nhất của ông Đ cho Hội đồng giải thể Công ty TNHH MTV C2 là không đúng với quy định. Do vậy, ông Đ yêu cầu chỉ thu hồi giá trị còn lại của vườn cà phê đối với thời gian chưa thu hồi tài sản (chưa tính khấu hao tài sản từ năm 2017 đến 2020); hoàn trả lại số tiền 42.175.000 đồng cho ông Đ.

- Chưa thực hiện chính sách hỗ trợ cho người bị Nhà nước thu hồi đất:

+ Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất:

Theo quy định tại điểm d khoản 1, điểm b, khoản 2 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP của Chính phủ thì ông Đ là hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất do nhận giao khoán đất sử dụng vào mục đích nông nghiệp; là lao động đang trực tiếp sản xuất nông nghiệp, có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp; bị thu hồi 100% diện tích đất nông nghiệp đang sản xuất có hợp đồng giao khoán sử dụng đất nên phải được hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất. Quyết định 10609 không hỗ trợ khoản này là không đúng nên ông Đ khởi kiện yêu cầu bổ sung khoản này.

+ Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Ông Lê Khắc Đ là công nhân của Công ty C2 có tham gia Bảo hiểm xã hội bắt buộc; Bảo hiểm xã hội tỉnh Đ xác nhận hiện nay ông Lê Khắc Đ chưa nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động. Theo quy định tại điểm a, b, khoản 2, Điều 83 Luật đất đai năm 2013; Điều 4, Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính Phủ thì ông Đ thuộc đối tượng được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm khi Nhà nước

thu hồi đất. Quyết định 10609 không hỗ trợ khoản này là không đúng nên ông Đ khởi kiện yêu cầu bổ sung khoản này.

- Chậm thực hiện chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ thì phải chi trả thêm khoản tiền lãi suất theo quy định:

Kể từ ngày ban hành quyết định thu hồi và Quyết định số 10609 cho đến nay Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B chưa thực hiện việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Tôn Thất T1 (ông Lê Khắc Đ). Theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 93 Luật Đất đai 2013 thì ngoài số tiền bồi thường, hỗ trợ phải chi trả thì hộ ông Đ còn được thanh toán thêm một khoản tiền bằng mức tiền chậm nộp theo quy định của Luật quản lý thuế tính trên số tiền chậm trả và thời gian chậm trả. Do vậy, ông Đ yêu cầu tính lãi trên số tiền chậm trả tính từ ngày 28/12/2022 cho đến khi chi trả tiền bồi thường.

Với những lý do trên, ông Đ khởi kiện yêu cầu Toà án huỷ một phần Quyết định số 10609/QĐ-UBND ngày 28/12/2022 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Khu đô thị D, phường T, thành phố B (đợt 5) đối với phần bồi thường, hỗ trợ cho ông Tôn Thất T1. Buộc UBND thành phố B ban hành lại quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho ông Lê Khắc Đ theo đúng quy định của pháp luật.

* Quá trình tham gia tố tụng, người bị kiện U trình bày:

Đối với đơn khởi kiện của ông Lê Khắc Đ, U có ý kiến như sau:

- Về đối tượng bồi thường, hỗ trợ: Hộ ông Tôn Thất T1 ký hợp đồng kinh tế về việc nhận khoán sản xuất cà phê với Công ty C1 theo Hợp đồng số Đ8-45/HĐKT ngày 21/7/2005, tại thửa đất số 12, tờ bản đồ số 6, diện tích 5000 m² đất trồng cà phê, thời hạn hợp đồng đến ngày 31/12/2020. Tại đơn xin hợp đồng khoán chăm sóc vườn cây cà phê ông Tôn Thất T1 cam kết không mua bán, sang nhượng vườn cây cà phê và tài sản khác của công ty. Ngày 24/10/2017 ông Tôn Thất T1 chuyển nhượng cho ông Lê Khắc Đ bằng giấy viết tay không có sự đồng ý của Hội đồng giải thể Công ty C1. Ngày 28/02/2020 Hội đồng giải thể Công ty C1 có Công văn số 06/CV-HĐGT xác nhận tài sản, công nợ của các hộ nhận khoán, liên kết trong đó có hộ ông Tôn Thất T1 đang sử dụng thửa đất số 12, tờ bản đồ số 6, với diện tích là 5000 m² đất trồng cà phê. Căn cứ hợp đồng và Công văn số 06/CV-HĐGT ngày 28/02/2020 của Hội đồng giải thể Công ty C1, UBND thành phố B phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho ông Tôn Thất T1 là đúng theo quy định.

- Bồi thường, hỗ trợ cây cối hoa màu:

+ Về mức bồi thường, hỗ trợ: Ông Tôn Thất T1 sử dụng đất năm 1995. Căn cứ điểm b, khoản 5 Điều 20 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ (sau đây viết tắt là Quyết định số 14) quy định về việc cây trồng gắn liền với đất không đủ điều kiện bồi thường được trồng trước khi có thông báo thu hồi đất được hỗ trợ như sau: "Thời điểm sử dụng đất từ ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004 hỗ trợ bằng 80% giá trị bồi thường theo đơn giá quy định hiện hành". Theo quy định trên, UBND thành phố B tính toán hỗ trợ 80% giá trị bồi thường theo đơn giá bồi thường, hỗ trợ cây trồng tại Quyết định số 10/2020/QĐ-UBND ngày 13/4/2020 của UBND tỉnh Đ (sau đây viết tắt là Quyết định số 10).

+ Đối với việc xác định cây trồng chính, cây trồng xen: UBND thành phố B thực hiện theo khoản 1, khoản 3 Điều 4 Quyết định số 10.

Đối với 445 cây Cam sành ghép trồng sau năm 2017, trồng sau Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 04/01/2017 của UBND tỉnh Đ (sau đây viết tắt là Quyết định số 07) về việc thu hồi 5.138.059,7 m2. Do vậy, UBND thành phố B không tính toán hỗ trợ 445 cây Cam sành ghép là đúng quy định tại khoản 2 Điều 92 Luật Đất đai.

- Thu hồi giá trị vườn cây cà phê: Thực hiện Quyết định số 113/2008/QĐ-CT ngày 15/12/2008 của Công ty C1 về việc quy định giá trị 01ha cà phê vối (84.350.000đồng / 1 ha) tại thời điểm kinh doanh năm thứ nhất với mục đích để "Giao giá trị vườn cây trong hợp đồng cho các hộ nhận khoán; Thu hồi tiền vốn cho Nhà nước khi hộ nhận khoán chăm sóc không tốt để vườn cây chết phải bồi thường, hoặc khi Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế xã hội". Thực hiện khoản 1 Điều 2 Quyết định số 3115/QĐ-UBND ngày 16/11/2018 của UBND tỉnh Đ về việc phê duyệt phương án giải thể đối với Công ty C1. Từ những căn cứ trên, UBND thành phố B tính toán thu hồi giá trị vườn cây cà phê của ông Tôn Thất T1 với số tiền là 42.175.000 đồng là đúng quy định và thực hiện đúng theo chỉ đạo của UBND tỉnh không để thất thoát ngân sách Nhà nước.

- Hỗ trợ đối với 01 giếng khoan: Căn cứ Biên bản làm việc ngày 23/8/2021, xác định thời điểm xây dựng giếng khoan đường kính lỗ khoan 180mm, sâu 103m của ông Tôn Thất T1 xây dựng năm 2019. Như vậy, giếng khoan xây dựng sau Quyết định số 07 về việc thu hồi 5.138.059,7 m². Từ những căn cứ trên, UBND thành phố B không tính toán hỗ trợ giếng khoan là đúng theo quy định khoản 2 Điều 92 Luật Đất Đai năm 2013.

- Chính sách hỗ trợ ổn định đời sống và hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề: Tại thời điểm UBND tỉnh Đ ban hành Quyết định thu hồi đất, Công ty C1 được giải thể kể từ ngày 30/9/2016 theo Quyết định số 2712/QĐ-UBND ngày 15/9/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh. Việc UBND tỉnh thu hồi đất của Công ty tại Quyết định số

07 là trường hợp thu hồi đất đối với tổ chức sử dụng đất đã giải thể, thuộc quy định tại Điều 65 Luật Đất đai năm 2013, không phải trường hợp thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, dân sinh xã hội theo quy định tại các Điều 61, 62 Luật đất đai 2013. Theo quy định tại Điều 5 Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính Phủ quy định điều khoản chuyển tiếp "Trường hợp đã có quyết định thu hồi đất và có phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư được phê duyệt của pháp luật về đất đai trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo phương án đã phê duyệt và không áp dụng theo quy định của Nghị định này"; Khoản 6 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP có hiệu lực thi hành kể từ ngày 03/03/2017. Trong khi toàn bộ diện tích đất của Công ty C1 đã được UBND tỉnh thu hồi tại Quyết định số 07, trước thời điểm Nghị định số 01/2017/NĐ-CP có hiệu lực thi hành. Theo quy định tại Điều 422 Bộ luật Dân sự năm 2015, thì một trong những trường hợp chấm dứt hợp đồng là: "3. Cá nhân giao kết hợp đồng chết, pháp nhân giao kết hợp đồng chấm dứt tồn tại mà hợp đồng phải do chính cá nhân, pháp nhân đó thực hiện". Do vậy, khi Công ty C1 giải thể kể từ ngày 30/9/2016, thì hiệu lực hợp đồng liên kết sản xuất cà phê giữa Công ty cà phê với các hộ đã chấm dứt mặc dù hợp đồng vẫn còn thời hạn thực hiện. Từ những quy định trên, UBND thành phố B không hỗ trợ ổn định đời sống và hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề cho ông Tôn Thất T1 là đúng quy định.

- Tiền chậm trả đối với số tiền bồi thường, hỗ trợ: Sau khi UBND thành phố B ban hành Quyết định số 10609, Trung tâm P đã có công văn yêu cầu chủ đầu tư dự án chuyển kinh phí bồi thường, hỗ trợ để chi trả cho ông Tôn Thất T1. Mặt khác, ông Tôn Thất T1 sau khi nhận quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ không có ý kiến gì về việc chi trả tiền bồi thường hỗ trợ. Do vậy, việc ông Lê Khắc Đ đề nghị thanh toán tiền chậm trả tính bằng mức tiền chập nộp theo quy định của pháp luật quản lý thuế tính trên số tiền chậm trả và thời gian chậm trả từ ngày 28/12/2022 đến ngày chi trả đủ số tiền bồi thường, hỗ trợ là không có cơ sở.

Từ những căn cứ trên, U đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xem xét không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Lê Khắc Đ.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tôn Thất T1 trình bày: Năm 2005 ông T1 ký kết hợp đồng nhận khoán sản xuất cà phê với Công ty C1. Quá trình canh tác, ông T1 khoan giếng, xây dựng bể chứa nước, trồng xen một số cây ăn trái như Sầu riêng, B, Ca cao. Ngày 15/5/2013 ông T1 sang nhượng lại vườn cà phê cho ông Đ. Ông Đ đã thanh toán xong tiền, ông T1 đã bàn giao vườn cà phê và tài sản trên đất cho ông Đ. Đến thời điểm sang nhượng ông T1 vẫn còn nợ lại sản phẩm cà phê và tiền thuê đất từ năm 2009-2013, ông Đ cam kết sẽ trả nợ thay ông T1. Nay ông Đ khởi kiện, ông T1 đề nghị Toà án quyết định bồi thường, hỗ trợ trực tiếp cho ông Đ. Vì lý do sức khoẻ nên ông đề nghị Toà án xét xử vắng mặt.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 134/2024/HC-ST ngày 15/8/2024 của Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ Điều 30; Điều 32; Điều 116; điểm b khoản 2 Điều 193 và Điều 206 của Luật Tố tụng hành chính; Áp dụng Điều 83, 84, 89, 90, 93 Luật Đất đai; Điều 14, 19, 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 (được sửa đổi năm 2017); khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Khắc Đ.

[1.1]. Huỷ một phần Quyết định số 10609/QĐ-UBND ngày 28/12/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Khu đô thị D, thành phố B (đợt 5) cho ông Tôn Thất T1 đối với thửa đất số 12, tờ bản đồ số 06 (nay là thửa đất số 309, tờ bản đồ số 91), diện tích 5.152,5 m2 phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

[1.2]. Buộc U phải ban hành lại quyết định phê duyệt phương án, bồi thường hỗ trợ đối với thửa đất số 12, tờ bản đồ số 06 (nay là thửa đất số 309, tờ bản đồ số 91), diện tích 5.152,5 m2 tại phường T, thành phố B cho ông Lê Khắc Đ về các khoản bồi thường, hỗ trợ theo đúng quy định của pháp luật.

[2]. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Khắc Đ về việc buộc phải bồi thường về tài sản, cây trồng bằng 100% đơn giá và buộc trả lại số tiền giá trị vườn cây 42.175.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 28/8/2024 ông Lê Khắc Đ kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông.

Ngày 14/9/2024 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kháng nghị một phần bản án sơ thẩm, đề nghị huỷ một phần bản án sơ thẩm để xét xử sơ thẩm lại vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Ông Lê Khắc Đ vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Ý kiến của ông Trương Văn C: Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định số 10609/QĐ-UBND ngày 28/12/2022 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Khu đô thị D,

thành phố B (đợt 5) cho ông Tôn Thất T1 là đúng quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, bác kháng cáo và yêu cầu khởi kiện của Đ.

Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Luật tố tụng hành chính. Ông Lê Khắc Đ là người kháng cáo nhưng Toà án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng, vì vậy thuộc trường hợp đình chỉ xét xử phúc thẩm.

- Về nội dung: trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và trình bày của đương sự tại phiên toà, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng huỷ một phần quyết định của bản án hành chính sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Toà án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ, đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự, ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự và của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Các đương sự đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai. Tuy nhiên, đại diện theo ủy quyền của người bị kiện và người liên quan có đơn xin vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 225 Luật Tố tụng hành chính tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên theo quy định.

Đối với trường hợp của ông Lê Khắc Đ là người kháng cáo nhưng vắng mặt tại phiên toà; mặc dù đã được Toà án cấp phúc thẩm triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng nên thuộc trường hợp đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với ông theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 225 của Luật tố tụng hành chính.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo trình bày của ông Đ và ông T1 thì Thửa đất số 12, Tờ bản đồ số 6, diện tích 5.000 m2 (nay là Thửa đất số 309, Tờ bản đồ số 91, diện tích thực tế là 5.152,5 m2) trước đây là đất nhà nước giao cho Công ty C1 quản lý, sử dụng. Năm 2005 Công ty ký kết hợp đồng giao khoán sản xuất cà phê với ông Tôn Thất T1. Đến năm 2013 ông T1 chuyển nhượng lại cho ông Lê Khắc Đ; hai bên viết giấy sang nhượng vườn cà phê cho

nhau nhưng còn thiếu nợ; đến năm 2017 ông Đ mới thanh toán tiền (100.000.000đ) cho ông T1. Quá trình giải quyết vụ án, ông T1 cũng xác nhận đã chuyển nhượng vườn cà phê giao nhận khoán lại cho ông Đ, ông không còn liên quan gì nữa. Việc sang nhượng này Công ty C1 biết rõ nhưng không có ý kiến gì. Từ khi ông Đ trực tiếp quản lý canh tác vườn cây thì ông Đ đã thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng nhận khoán mà ông T1 đã ký kết trước đó. Thể hiện tại Phiếu thu số 292 ngày 21/8/2013 của Công ty C1, thu tiền nghĩa vụ sản phẩm vụ 12-13 tên trong Phiếu thu là ông T1 nhưng tên người nộp là ông Đ. Mặt khác, tại thời điểm kiểm đếm tài sản trên đất để lập phương án bồi thường, hỗ trợ thì ông Đ là người trực tiếp quản lý vườn cây đồng thời ký vào biên bản do Trung tâm quỹ đất lập và ông cũng đã cung cấp giấy sang nhượng, nhận tiền.

[3] Tuy nhiên, trong quá trình xét xử phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận được 03 Biên bản làm việc của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Cụ thể: Biên bản làm việc ngày 04/9/2024 đối với ông Nguyễn Minh H1, nguyên là Trưởng Phòng Tổ chức hành chính; Biên bản làm việc ngày 04/9/2024 đối với Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B và Biên bản làm việc ngày 28/8/2024 đối với ông Trương Văn T2 là Tổ trưởng, Tổ quản lý và thanh lý tài sản Hội đồng giải thể Công ty C1, nguyên là Giám đốc Công ty. Qua xem xét 03 Biên bản làm việc trên thể hiện: Văn bản thoả thuận v/v chuyển nhượng hợp đồng giao khoán sản xuất cà phê ngày 15/5/2013 được ông H1 xác nhận vào năm 2023; đồng thời không có căn cứ xác định có việc ông T1 chuyển nhượng hợp đồng giao khoán cho ông Đ. Các tài liệu chứng cứ này chưa được xem xét tại giai đoạn xét xử sơ thẩm, vì vậy quyết định của Toà án cấp sơ thẩm là chưa đủ căn cứ.

[4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy, quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng là có căn cứ chấp nhận; ý kiến của kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận, huỷ bản án hành chính sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án để Toà án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo quy định.

[5] Về án phí: Án phí hành chính sơ thẩm được quyết định lại khi giải quyết sơ thẩm vụ án. Án phí hành chính phúc thẩm, do ông Lê Khắc Đ bị đình chỉ việc xét xử phúc thẩm nên phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3, khoản 5 Điều 241 của Luật tố tụng hành chính.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông Lê Khắc Đ.

2. Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng; huỷ quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 110/2024/HC-ST ngày 24/7/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

3. Về án phí: Án phí hành chính sơ thẩm được quyết định khi giải quyết lại vụ án. Án phí hành chính phúc thẩm, ông Lê Khắc Đ phải chịu 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0014050 ngày 16/9/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Ngọc Thông